

HƯ ĐƯỜNG HÒA THƯỢNG NGŨ LỤC**QUYỂN 10**

Kệ tụng:

Sư vào Tịnh Từ lên tòa, hỏi đáp xong. Bỗng Thiên Sứ đến cửa, truyền phụng Thánh chỉ, hỏi: vì sao Triệu Châu tám mươi năm hành cước, vì sao Hư Đường tám mươi năm ở núi?

Sư liền nêu: Triệu Châu một hôm hành cước đến Lâm Tế.

Lúc mới rửa chân, Lâm Tế hỏi: Thế nào là yếu chỉ Thiền tông?

Châu nói: Đừng gặp Lão Tăng rửa chân.

Tế đến gần trước làm thế nghe.

Châu nói: Hội thì liền hội, hỏi nhải làm gì?

Tế về phương trượng đóng cửa lại.

Châu nói: Lão Tăng tám mươi năm hành cước, ngày nay lại bị con lừa này giành, bèn thành một bài tụng.

Thiên Sứ Dương Đô biết đây tấu, mặt Long Đại Vui cho lúa năm mươi thạch, lựa một trăm cuộn, khai đường an chúng, tiếp lấy lương thực, giữ lấy Tăng đường tộ lậu. Phô tấu chỉ mong ôn Thánh, ban hết ruộng nước, một năm thu thuế hơn ba mươi thạch, đều khỏi thuế quan, nhưng ban xuống khoảng mười vạn quan, lại che Tăng đường, tụng rằng: Triệu Châu tám mươi năm hành cước.

Hư đường tám mươi lại trụ núi

Chẳng có một cơ khôi Phật Tổ.

Động mặt rỗng trong chín lớp thành.

GỞI TẬP KHÁNH KHAI SƠN

Như ý đến cung Thi Thích Phạm, hoa mưa lả tả thắm gió xuân. Tự
thẹn già rồi không linh cốt. Ngày ở mây sâu nghe tiếng chuông, Canh
Tĩnh Học Lâm Phủ phán Du Thiên trạch Am vận.

Đạo xưa gồm thiền đến, mình đi được mấy năm, trời đất nương
định lực, tâm trắng duyên trước gương, một người tĩnh khó học, ba đời
nói chưa vàn, già rồi lại có hện, không ở bên núi Bắc.

Đáp Cư sĩ Đồng Dương Quảng Giám thừa.

Mặt đất lạnh lạnh xuân Đồng Dương, biến đổi trời đất muôn vật
mới.

Thả xuống sấn bìm nhấc không nổi, chẳng biết buộc ràng bao
nhiều người. Đưa thị giả Liễu đạo núi Thiên Thai.

Luyến tức nêu cao hứng đầu cùng; gió thu ở trong lá lau vàng,
việc rồi chưa rõ như dấm lửa. Mây trắng chốn sau thấy người quê.

Tri khách Lai ở Từ Phong đến Nhữ Đậu, chiêm lễ tháp Minh Giác.
Bên hồ hỏi đường vào mây sâu, mười năm hương lòng vừa mới đốt.

Không thấy ẩn rồi chân ẩn xứ, gió sáng tỏ bày lá cùng nghe.

Thị giả Hiền hiệu là Mộc Ông.

Ghi chép vừa tròn như là si. Chim hoa gió xuân tự quên cơ. Năm
nay tuổi lớn đều vô dụng, mặc tòng lâm tranh đúng sai.

Gởi Thị giả Đạo Sam.

Lũng thững gia phong mặc là chân, thuật ra đều là không thành
vân.

Đâu như giường tre ngâm đêm vắng, trăng đến hoa reo có cỏ
phần.

Thị giả Chuẩn về tỉnh.

Núi không, cây mục mây nhẹ bay, mặt đàn sương gió bao dậm
đường, trăng sáng rọi sông về mộng vội, vào cửa trước mừng lão nhân
tinh.

Thiền giả Thanh Du phương.

Gió vàng gọi tắm hoa cúc thu, gai kỷ giữa đường chỗ nào đi.

Gò lau len lỏi cùng với nhau, sợ y chưa phải cùng dòng anh

Thiền giả Khuê hiệu Thạch Ông.

Trốn ngoài kiếp không đã xanh um, đạo núi ngấm sông được mấy
năm, nghe nói nghe kinh từng chấp nhận, già đến vô lực phụ trời xanh.

Cư sĩ Cù hiệu Vô Tri.

Gặp duyên chạm cảnh đều mờ mịt, đất rộng trời cao ở bên nào,

một chấm đã rõ vượt muôn vật, không biết gương kia lấy tròn bên.

Tặng Đạo nhân Diệu Khiết:

Diệu tâm minh khiết khế như như, bước đi rõ ràng nữ trượng phu.

Gia phong bàng lão thật không hai đẫy lừa giá cao cho ai bán.

Phế Tự.

Chiều thu vào điện xưa cỏ hoang, hoa tàn tạ không người coi sóc,
đêm lặng lặng nghe gió lay nói, như mắng đàn na không gặt đầu.

Vượt núi.

Ốc xanh cờ loa vây sông hồ, bóng lạnh ngòi mai bụi gương xưa,
thôi hởi chớ quay nhìn đá bọt, nhân gian sợ có người đứt ruột.

Hắc Hý Đồ sanh, Thiện lão Dung Ngự.

Cỏ cây truyền chân sức bút cao, đội núi Ngưu ở một hào công

Đi này chớ nghi đi Thiên Thai, nhẩn làm cô Tăng qua Thạch

Kiều

Đề hình họa Tịnh Nghiệp.

Luyện hạnh tu thân kết oán Phật, không hề nói rằng đã lạnh trước,
già đến không đi nhìn bốn phương, vui được Diêm-phù nhãn giới rộng.

Dạy Tuệ Linh làm Tăng.

Tánh Tuệ làm sao thấy tánh thông. Cần dạy linh nghiệm hiển
Tông ta.

Thừa thời đi xuống rơi hông đá, cười dăng y bát kế Tổ phong.

Phật Sự.

Thị giả Tuệ Minh biên tập.

Ngày 11 tháng 3 đầu niên hiệu Hàm Thuần, cung phụng Thánh
chỉ, được chọn vào đại nội phổ thuyết, trước ở điện Kỳ Diêm, xe đám
táng Thiên Lý Tông Hoàng Đế vào chánh điện niêm hương, ngữ lục Sư
không cho ấn hành.

An hiếu thù từ khế túc huân. Kiệu vua cung điện ra cửa vàng,
trời đất ngày tháng không ánh sáng, cỏ cây đều thấm nhuần ân ngày
xưa.

Kính mong liệt văn, Nhân vũ, An hiếu Hoàng đế, Dáng Phượng
rồng, biểu thị mặt trời, lòng nhân của vua Nghiêu, đức của vua Thuấn,
cứu đời giúp dân. Rũ y khoanh tay, bốn mươi năm hiển đạo kế minh,
mười ba lá thời khang vật thịnh, trời bình đất yên, mười phương cõi
nước quả viên, thẳng thắn Tây Thiên đường sống. Ngàn hoa dăng đủ,
trăm báu nghiêm thân. Trong hư không nhạc trời đón rước, mặt đất rung
chuyển sáu cách. Nay cũng thứ lớp, theo trái nghiêm giá. Phụng trọng
xuân hành, một câu vô tư, làm sao nói hội, đước sâu, cây tím lâu gác

hiện, trăm ngàn Chư Phật cùng ngao du.

Dương Ngự Nhạc Phụng Thánh Chỉ, thỉnh định mỗi tháng niệm Phật. Mỗi tháng niệm Phật, những điều Thiên sư giới viên, từ đầu nhất Định Phật Quang làm đầu ba mươi ngày, đến Thích-ca Thế tôn, rồi lại ban đầu, còn như râu hoa, mới mới không trụ, niệm niệm không dừng. Miệng tụng, tâm nghĩ, ánh sáng phát hiện, làm phước trời người. Niệm này Phật cảm nghiệm tinh thành, nhưng đương ngày của tháng ít. Ông già mặt vàng không có chỗ niệm. Nếu đến ở ngày đầu thì Phật Định Quang lại không có chỗ niệm. Bởi vậy cuối cùng được đi, Pháp Vương vô Thượng. ngay trong niệm này, vọi vọi bất động, hiện bày tốt lành, khiến cho Định Quang không trước, Thích-ca không sau, trong mười hai thời, bỏ ba làm hai, gọi đi gọi lại, đều ứng khắp Đại thiên, thống nhiếp pháp giới, rõ ràng không ngăn ngại. Mặc cho lưu thông, thật gọi là công thành hạnh mãn.

Đô lĩnh Đồng tiết sứ khởi Quan.

Rét biết tiếng hoa ra cửa cấm, hành tàng phần nhiều hợp cơ trời, định lực tròn sáng người đều có, khéo được tâm truyền đời ít oi. Đô Tỉnh Tiết sứ Thái Úy Đồng Công khí nuốt Phật Tổ, mắt che trời đất, lòng son dâng lên, thì khí liệt nghiêm ngặt, giếng mối sâu cấm, thì gió qua cỏ rạp, tùy ngọc dứt loại, ngọc không dấu vết, nhân gian muôn sự chỉ như hứa. Cười lớn một tiếng, trời đất hư không, nay cũng áng mây khe núi, khắp nơi đón gặp, rừng cây nước chim, một câu ra cửa thế nào, Phủ Quan nói:

Trời cao có trăng ngàn cửa chiếu, đường lớn không người chỉ tự đi. Thang Chánh Ngôn thỉnh vi Hòa thượng Tiên Long Lâm Vân Phong Đức vào Tháp.

Kiếp hỏa từng nung da mặt sắt, từ trước không thả giá cúi đầu. Có khi ngoài mây lộ tin tức, môn phong hiểm trở đến thì mê, người nào một đời gánh vác.

Cẩn gờng hét giấm, mắt Phật khó nhìn, hai chỗ ở núi, khi ở khi đi, Thánh Phạm chẳng biện, định thối toàn thân tiết chiều tín duyên đến Ứng Công kích xưa, đập ván chưa niêm. Sao lớn lặn trước, nay thì xá-lợi lưu đây, phẩu ngọc hàm này. Tuy nhiên. Chưa nhìn âm dễ, đâu có thể mặt mũi còn. Còn thấy ma đề khởi xương nói: Trong tháp thu không được, không âm dương đất nổi mây sấm.

Kính Sơn Hình Du vào Tổ đường Tịnh Từ

Chó đá mới buộc điếu xưa, năm nay tấu vào ống sáo người Hồ, vận xuất bao la tầng tối thượng, người nghe người hòa đều không đủ.

Gió trời thổi Tan rơi Tây Hồ, cây cỏ khí Nam nước xuân xanh. Đêm khuya đối nhau nói cùng ai, trong vô vị thứ bồi bày Tổ.

Sư nhìn Thư ký.

Núi Mân sông Chiết xanh rì. Đi ở mênh mang quên vết bóng. Đi vội thu nhìn sửa áo thiên, không biết trời đất ai biết nhau. Có biết nhau nhưng không chuẩn đích. Núi Nam ngọn lửa đang bốc cháy, ông hãy nhìn là lửa mẫu gì?

Khả cung Tạng Chủ

Tiến tới, đứng khoanh tay, hơn năm ngàn quyển, chú rõ không kịp giặt dũ y, tùy ý đi, đạo nhân buồn bã, không có nón, lửa không cháy, nước không thấm. Vách sắt núi bạc từ đây vào.

Tú lão Đông Sơn Thỉnh làm Tiểu sư nhất Thị giả

Một lời gọi liền lãnh hội, thường không cô phụ Quốc sư.

Lại gọi không quay đầu, chỉ vì tham dậm trình rất xa.

Mây núi vừa che, đêm mưa mới thấu, chuyển được thân trong ánh lửa, đây Bát phó chúc thuộc vẫn còn.

Thị giả Bốn nhiên.

Thanh tịnh bốn nhiên, khói bay vùn vụt, vượt qua hai lớp cửa.

Phóng ra ngoài trời. Thị giả nhiên, sẽ hóa ta cô phụ ông, ông vốn cô phụ ta, trộm mắt nhìn lên đài Niết-bàn.

Quả nhiên làm được công phu chết.

Thiền giả Bốn Trực ở Triều Châu.

Người gây quê khô tàn, ngộ được quyết truyền tâm, cây không rễ. Vừa trồng lại sống. Không biết bóng lạnh rơi bên nào. Chỉ biết gió xấu nổi cuối trời, Thiền giả Trực thôi phân biệt, ngay lò không tránh sắt nóng.

Đức Viên Đường Chủ.

Hạnh không đức, khuôn phép không viên. Chết thì sống, bệnh thì khỏi, tắc lòng phần nhiều ở bên lò thuốc, ai ủi tất thật khó nói, tuyệt trong lửa vô minh. Phật Tổ oan.

Trụ chùa Tĩnh Phó.

Dùng tâm lặng soi, giữa trưa trốn bóng. Dùng diệu quán không, mộng lớn mới tỉnh, muôn dậm bao la, áng mây bay. Đâu như trắng đến ngàn đỉnh núi, chùa Tĩnh Phó chót vót một mình. Cọng rau sau lửa điểm liền lãnh hội

Thiền giả Chí Nghĩa.

Quay lưng Pháp đương mang giày cỏ đi, nạp Tăng nghĩa dứt tình quên. Nhìn mới biết rời chúng đi. Nó rời không đến phương. Chuyển

vào lò lửa núi Nam, không giữ linh quang của mình, mấy cọng xương khô chống đỡ trời đất, một con thuyền lá chở nước Đại Đường.

Phật sự.

Chỉ một sự thật này, còn hai tức chẳng chân, rõ ràng mình bạch, còn rơi pháp trần, mình chỉ tham thiền nửa hạ, hành cước mất mang đi mấy xuân, hay gõ xọc lửa trong lò lạnh, không cần chén trà nghiệm khách đến.

Tạm đến Thiên Giả Như Thị.

Lưng được bốn bộ kinh lớn, cuối cùng không biết như thế, mình rỗng không gõ vào bình phong phía Nam. Qua cửa trước lãnh hội ý chỉ. Đóng lửa núi dao đang đợi nhàn, đi đến không ở trong gió xuân.

Lăng Tiêu Phong niệm am chủ.

Chánh niệm hiện tiền, bảy diên tám đảo, dựng đứng nắm tay phân khách chủ, nghiệm người mất sống như Diêu ứng. Khi nào thiền tịnh không chiếu, đỉnh núi Lăng Tiêu người xem mây, trời lạnh người không vào lò lửa.

Tổ Tú lão túc.

Được đầu ở tại y bát, báo vượt quá Nam Tuệ Năng, Bắc Thần Tú.

Trong lòng rỗng không chẳng một vật, Đạo nhân như ra khỏi chính mình. Chánh như tà, sống như chết, một người không có roi gai góc, chẳng dạy chạm đến vô minh khởi.

- Thiên giả như Tùng:

Đêm đến gió lành, thổi gãy cành thông trước sân, từ Nam từ Bắc từ Tây từ Đông, phá dưới núi không cùng sấm, cành khô lá rụng thán hết năm cùng, mài rửa tuyết sương ngăn được lạnh, người quay lại mới biết hơi lửa ấm.

Trực Tuế Duy Hiểu.

Mong sao cây cầy, làm sao vỗ tay cầm bừa, phá sáng đốt ruộng hơn, như trồng ruộng đổi lấy cơm. Gần chế mau kéo đơn. Nhưng bản sắc đạo sĩ, lại như gọi không quay đầu, lửa sáng nói pháp cho ông.

Thượng Tọa Diệu Liên.

Ra sông hoặc chưa ra sông, nạp Tăng chưa nêu trước biết, có con ắt có phòng, động đến ngại răng cửa người, thôi luận nửa ao sương rơi, hãy xem bóng xanh sóng nổi, như nay đổi trồng trong lửa. Ngoài kiếp gió hương đến chưa thôi, đến chưa thôi ném bó lửa nói: thôi phải sẵn bìm.

Thọ Đầu Tổ Dụng.

Hoàng Mai không rơi đá bên hông, đỉnh núi chỉ trông thông mong mưa, hơn bốn mươi năm nay có nghiệm, dài dài ngấn ngấn dùng vô cùng, ý Tổ chưa được vào tay, muôn duyên trước lấy đốn không, chẳng có cuộc nơi nào làm, một lúc phân phó đồng tử bính đình.

Pháp Ngữ.

Pháp Sư Thục nước Cao-ly in tạng kinh.

Như đà ngậm ngọc, chẳng tinh soi đâu biết được chân, Đạo ở chính mình. Nếu tìm bên ngoài khó thể đạt đến mầu nhiệm nhất, soi nó chẳng tinh thì ẩn sâu kín, tìm nó không thông thì bao la. Muốn rõ thể của nguồn đạo, chẳng phải một sáng một chiều mà tìm được. Bởi lão sư ở Thiên Trúc ta giữ chí không bền, bỏ muôn thừa tôn vinh, chịu sáu năm đối lạnh. Đêm mộng tám tháng chạp, bỗng thấy sao sáng, không rời tòa cỏ, vào cảnh giới không nghĩ bàn, nói một đại tạng sẵn bìm, lung lạc ngày tháng trời đất, bao gồm âm dương tạo hóa, cho đến hữu tình, vô tình. Đều ra khỏi bóng người không được, ba Hiền, mười Thánh tâm đều nghiêng ngửa, ngoại đạo, thiết ma đều khoanh tay, có thể đền ơn vua, cha mẹ, phong tục sâu dày, trấn bả tà ngụy, người sắc bén càng nhiều, cuối cùng lại nói: đâu từ vườn Lộc dã, cuối đến sông Bạt-Đề. Bởi vậy giữa hai chỗ, không hề nói một chữ, đáng chết lậu tạm còn. Từ đây chìa khóa cửa không nghiệm, bèn thấy phương khác, việc khác. Xích huyện Thần Châu, Hải Tạng Kim Văn, không nơi nào chẳng có, đâu chỉ phá một hạt bụi, lấy ra quyển kinh này mà thôi? Pháp sư Thục nước Cao-ly là quyển thuộc của lão sư Trúc Độ, huân tập đã sâu, đi thuyền vượt biển đến, xa đến một thân, nguyện đầy mười tạng, trải qua phong sương, chí ấy càng đốc thúc, tìm tri thức khắp nơi, tìm những điều chưa nghe, hoặc có thể chưa mở Kinh, vào pháp môn chữ a nầy thì hơn năm ngàn quyển, đều là thiết thực, hãy nói: thiết chữ gì?

Bỗng nhiên da mắt đây, không được quên lão Tăng. Tháng tám mùa thu Quý Hợi, niên hiệu Cảnh Định Tống đời lão Hư Đường viết tại Tây Am ở Tuyết Đậu, thuộc Tứ Minh.

Trưởng Lão Tuyết Bồng Minh, đến Hòa Hưng Quang Hiếu, lão Tuyết Bồng Minh, theo đó có ngày. Từ Dục Vương qua Đông Sơn dưới nhà khách, ấm áp như xuân. Sức của lão này, ở Nam Bình tại tòa thứ nhất. Bỗng ao hồ có sự sủng ái của Công Tuyển. Hai năm lại hơn tập ở Song Kính, vẫn về tòa thứ nhất, quần tâm mừng như nay lãnh triều mạng, xa đến Hòa Hưng Quang Hiếu, đến núi mãi cứ mấy lời, lấy hạnh của Tổ, giờ chùy không đụng đất, không còn một mắt, che trời đất, sáo sắt thổi ngang, có hơi không nuốt đằm mây mọng, khói sóng xa xăm,

mãi chèo vẫn vậy, cỏ cây sương tuyết lạnh tương nghi. Mấy lần tỏ bày nhàn đối trắng, yên ương nơi hồ sâu không hẳn rữ tợ, đầu sông Trường Thủy, cá lành tự được, câu đến núi làm sao gửi gắm. Gió phiêu phiêu hễ thổi áo. Gió lành lạnh hễ tiếng thơ. Tháng 9 mùa Thu năm Mậu Thìn niên hiệu Hàm Thuần, Hư Đường Lão Tăng viết ở hiên Bất Động, là năm tám mươi bốn tuổi.

LỜI BẠT NGŨ LỤC CỦA THIÊN SƯ LONG CHÙA KIẾN TRƯỜNG NGƯỜI NHẬT BẢN

Vào đời Tống có tên là Nạp, tự lấy hiệu là Lan Khê, một cành trúc cao có ra ở núi cao muôn dặm Nam, hỏi ở Ngô Việt. Dương Sơn lãnh ý chỉ, cuối cùng không biết vô minh, chân dẫm ngàn câu, chiu tiền pháp gia Tùng Nguyên, cưỡi thuyền ở biển lớn, đi trong nước Nhật-bản, trầm tĩnh tiếng sấm, ba lần đốc trách, nửa ngàn mạnh bạo. Năm tháng lâu bèn thành chọn biên, nhẩn thiền đợi lâu nơi sơn tuyết. Xa hỏi Tứ Minh chỗ khắc lời không kịp. Việc quan trọng chánh pháp lưu thông, dùng không tận thời, dè dặt, nhìn rừng hết khát.

Lời bạt ngũ lục của Thiên sư Tuyết Phong Sương Lâm Quả.

Các bậc Tôn túc dưới Đại Tuệ còn có nhiều vị. Con cháu dưới Hồ Khư còn nhiều tỉnh số. Đủ trăm khiến có hạn, tỉnh số cùng vô cùng. Mắng ông trời ba lần truyền mà đến Sương Lâm. Muôn cây đang tiêu tàn, hưng khởi trời tốt. Đây bởi chuyên tỉnh số mà được, người khéo quán lục này thì được thẳng đường nhưng chưa thể nhập thất.

Chân tán.

Trưởng Lão Khánh Viễn Tuấn thỉnh.

Già không chết, tâm chưa thành tro, động đến ác phát trời xanh sấm giận, dất được đầu hổ cầm yển, đua nhau khởi họa tòng lâm, gậy bèn lãnh hội, vì sao là Tuấn ư?

Tịnh Đàm Tạng Chủ Thỉnh.

Người dễ chịu khó cùng nói. Đầu trúc bề tiếc rẻ như vàng, gốc giường Thiên ủy như đất, Tịnh Đàm Tri tạng khéo biết cơ, phân ra khách chủ trong ánh điện sáng.

Trưởng Lão Dĩ Văn thỉnh.

Trời đất bất nhân, phát sinh yêu quý này có cơ cướp doanh cướp trại. Không thích giới, xả từ bi, sẽ phải chìm đắm, pháp môn điêu tàn. Làm sao kế thừa phải của Tùng Nguyên. Sau gian nan lớn vượt tình thần, mắng người miệng độc như ong.

Tân Kiến Tĩnh Từ Thiên Tích Trang Thỉnh.

Không mong mà gặp, không hẹn mà đồng, bóng trời xán lạn, hòa khí dung thông. Thời vận tới gặp Thánh chúa hai triều. Trung hưng miếu tốt thiên lành. Ruộng tốt gậy trời bằng như ngói. Ngồi đối giông linh hằng năm được mùa.

Đồ Đệ Tông Phúc Kiến Thí Thủy Am thỉnh.

Như là rũ lòng từ không nhà cửa. Ngọc đẹp đã phân đáng xem. Phạm nghi bỗng nêu hê khó nhìn. Đinh Lăng Tiêu Phong người nhìn mây. Trong Phổ Hóa đường Tổ thứ nhất.

Tri Khách Thiệu Minh người Nhật Bản thỉnh.

Thiệu đã rõ ràng, nói không mất tông, đầu tay làm nĩa. Vòng vàng cỏ lúa, trong nước đại Đường không có người hội, rồi lại theo dòng qua biển Đông.

Thiền Tử Bà Khê thỉnh.

Khí giận phun người, thật không nên phạm. Tuy có che lông mặt. Lại không nghiệm mắt người, đúng cũng chê, sai cũng chê, định cắn răng cửa, một đời gánh vác.

Thiền giả Quang thỉnh.

Mới thì vui, lâu thì chán, trăng sáng bóng đêm, thường gặp đề kiếm, nhưng tin được kịp, tự có kinh nghiệm.

Không thì độ tự ghé ngọc tả bóng mộng ta, sau khi tự tan chiếu ngôn âm không tiếp nhau hai mươi năm, nay lên Kính Sơn thỉnh tán bút mực chỉ khuyên và viết.

Kính mà xa, thân mà sơ, soi gương âm phủ, khéo định tiêu mòn. Lăng tiêu cao mà các núi nhiều quanh, biển mênh mong mà bóng đêm lẻ, con về đến cha, ta chẳng biết ông.

Kính Sơn Tây Liêu Chúng Lão Lang thỉnh.

Sương Nghiêm khí ác, núi rồng trăng sáng. Biến khí chất có được vót nhọn không bằng. Giơ lên thì Phật tổ chẳng biết, thả xuống cỏ cây đua nhau sanh. Lần lượt đến Lăng Tiêu tám mươi bốn, ai biết tên lớp chín lớp thành, đốt. Diệu Nguyên có bái xem sư mười hội ngữ. Như Nam Bình Song Kinh, đề xướng rất nhiều, đáng tiếc chưa khắc hết. Xưa từng hầu sư ở Lăng Tiêu, do có lời thỉnh này không đáng. Nạp Tử ở tông lâm ngày nay đều muốn lưu truyền, kính ghi chép thành hậu tập. Còn người xem ngoài lời nói biết quay về thì lời nói thầy ta đâu có thừa.

Ngày Phật thành đạo năm Kỷ Ty, niên hiệu Hàm Thuần, Tiểu sư Tân sai trụ trì Phúc Châu Cổ Sơn nối pháp, Diệu Nguyên kính ghi.

Tiểu sư ghi kéo áo thừa mệnh công san hành.

MỚI THÊM VỀ HÒA THƯỢNG HƯ ĐƯỜNG

Sắc lai Trụ Trì Lạc Dương Vận Thọ Pháp Tôn Tỳ-Kheo Tông Trác Tập Tấn Thiên Hội Đồ.

Hoàng Bá lễ Phật, nắm tay Tuyên Tông.

Thân bảy thước màu đỏ, trán có hạt Châu tròn, hỏ liền đấm, gan lớn tâm thô, chẳng phải Thiên Tử Trung Thiên. Giống như gọi ngựa làm lừa, mọi người đặt hồ lô trên nước.

Triệu Vương hỏi Triệu Châu: “Châu Không xuống giường thiền”: kiên mà Không cương, nhu mà Không nhược, bảy trăm lão ông con giáp phải cần dùng một chút này. Bày đất vua đến Không xuống giường phong cao ngàn xưa làm tiêu cách.

Túc Tông hỏi Trung Quốc sư mười thân Điều Ngự.

Muôn thừa rũ áo đứng hỏi nghiêm. Chỗ đáp Quốc sư thật lờ mờ. Ai biết tháng mười lớp sương trong, một trận gió đến một trận lạnh.

Lý Tường Tham Dực Sơn.

Đậu đen số vô cùng, thông xanh che không hết, tỳ-kheo già ốm gầy. Ngay đây ta Không ẩn, lại đề mây nước chảy quanh ngăn, thêm được hoa trong mắt người bên cạnh.

Hàn Dũ thấy Đại Điền:

Lông đánh bản, sáo không lỗ, lược muốn xin một lời, hư không nổi sấm chớp, cơ đến không biết chuyển thân. Lại theo sắc thính khác chẳng phải sắc thính, ngoài hồ Động Đình ngàn núi xanh.

Trang Tông Tuyên Hưng Hóa hỏi đáp.

Hội mừng vua quan hoát toàn cơ. Trăm ức ngàn sông đều quy về. Nhắc lên thái bình báu vô giá, trời đất nơi nào chẳng sáng soi.

Thuận Tông hỏi Thiên sư Nga Hồ Đại Nghĩa.

Một câu đương cơ mở cửa trời. Biển rộng núi xa đâu đợi nhà. Kham cười đưa đong thẳng dài. Lại thành quả bầu cong cong.

Văn Tông hỏi Chung Nam Sơn Cấp Lợi Thụy tướng.

Đập Không mở, đánh Không bể. Người nói Đại sĩ ứng thân, ta cũng nghi ông ấy chân thật. Chung Nam tương ứng họa. Thích động mặt rỗng, trăm quan đều mừng. Ai biết, chẳng có trời đầy qua.

Bàng cư sĩ hỏi Mã Đại Sư.

Dấu đầu bày bóng hỏi lý do, lại lấy hết sức Tấn giang đáp. Quay đầu mắt không trời đất hẹp, chẳng biết thân ở đường dạo chơi.

Đan Hà thấy cô Linh Chiêu.

Oan có đầu nợ có chủ. Thiên nhiên muốn hỏi ông Bàng, đúng là

đánh vào cô gái này. Lường hết cửa riêng nhà, đưa ngọt gốc đắng, do đây trên dưới chẳng biết đồng. Vú sữ bó anh bận bờ đất đỏ. Cả gia đình Bàn Cư Sĩ cùng nói lời Vô sanh.

Làm khổ thời cơn cùng cực khổ. Cha con không cùng đường. Mọi người đều thoát trứng. Muôn khoảnh Tương Giang rửa không trong, khúc điệu Vô sanh lúc nào tỏ.

Bàn Cư Sĩ lượ nhà đều đi.

Thần ra quỷ vào, theo tiếng nhưng hư không, một ngọn lửa này, tà pháp khó qua cùng lấy mắt cà làm ngọc sáng. Cười lẫn Tây Thiên mắt Hồ sáng. Ngày Thanh minh, niên hiệu Thiệu Định năm thứ tư ở Thánh Hưng gia Hòa Trí Ngu vì thị giả Diệu Nguyên kính tán.

Hòa thượng Cúc Lâm gửi thư đến.

Nhân nhớ Thân phong đến ghế ngọc, năm ngoài trắng hoa xuống ao mây, chưa hết một năm lại thế ta, bỏ hết đèn xuân mắt không giao.

Kim sanh lỗ lớn.

Giả trên mũi kim, hành tàng trong mây nước. Tâm pháp chẳng mầu nhiệm, tự là đầu tay thông. Tiền bối để nhiều kệ. Áo linh ra nhiều công. Sáng sớm nơi nào đi. Lá vàng qua khe gió.

Lâm thiền nhân về Dự Chương.

Cẩn thận lấy nhìn mặc soi linh biết, dùng ở mắt dê thẹn ở đây.

Chớ bảo Tây Sơn tin tức tốt, phải biết sông biển có tên tìm.

Vân Sơn tiểu cảnh.

Xa xa đám khói bạc, xanh xanh cổ thụ chiều, chân trời thật chưa đủ, đối ám này mất hồn.

Cô Sơn.

Tối tối xanh xanh trong tầm nhìn, xa tí không cùng với các núi.

Mây trắng tan đi trời biển tỏ, muốn thấy nhân gian Không đường thông.

Hòa Bình Phấn Lý Quân Ngũ Kệ.

Đêm khuya ai đứng ở Thiếu lâm, thấy thành công án chẳng cần tìm đôi núi lâu ngày khó mòn đi. Đối nhau bỗng nhìn sắt làm tâm.

Trình tốt tuyên truyền là có năm. Trước mắt phân hiểu bị người chê. Nhà mình lạnh ấm biết nơi đến. Xương già xưa nay Không sợ lạnh, lớp ngàn câu nặng một hào nhẹ. Như mãi tương úy khách tỉnh. Dù nghĩ thông lạ làm cây ngọc, trắng cao như cũ vẫn xót thương.

Sáng nghe vua quan chúc mừng, sáu đường như ban ngày, không mê cảnh giới Phổ Hiền phải nên hỏi, khi vờ tay đến thấy bùn đỏ.

Bên lò quả trách được rất nhiều, mảnh đá Không tội đêm ngày

giữa, lại lấy điệu thương làm tuyệt vịnh, thơ ma khó dịch thẳng Tu-la. Sùng Hòa Ngũ Kệ. Điệu cao khó nổi, chưa khởi mắng là, cúi xin cười nắm. Trí Ngu lại bái.

Tặng Thiên Khách Trí Nhân:

Trong chiến trường pháp cây thẳng cờ. Thoại đầu đầu giống hỏi đầu nguy. Người xưa giảm bếp thêm chỗ binh, dè dặt giao nhon sai quá y. Lời hỏi hành giả Trí nhân: Nén hương thỉnh lời, lấy đây tặng bạn, đến Tết Quý Hợi niên hiệu Cảnh Định. Hư Đường Lão Tăng viết ở Tây Am Tuyệt Đâu tặng tri khách Nam Phổ người Nhật-bản.

Gỗ sân cửa cẩn thận đo mài, đầu đường hết chỗ lại trải qua, rõ ràng nói với lão Hư Đường, con cháu biển đông ngày chuyển nhiều. Rõ tri khách từ khi phát minh, muốn nói về Nhật-bản.

Tìm tri khách Chiếu thông Thủ tọa, trưởng Lão Nguyên, tụ đầu nói gia tư trong hội Long Phong. Áo giấy cầu pháp ngữ. Lão năm nay tám mươi ba, vô lực suy tìm. Làm một bài kệ tặng hành sắc, muôn dặm trình để dùng đạo phóng vệ.

Mùa thu Đinh Mão, niên hiệu Hàm Thuần ở Đại Đường Kính Sơn. Trí ngu viết ở hiên Bất Động.

Chuông Đổ Phật sự.

Nấu vàng luyện ngọc, luyện Thành đúc Phàm, không nhờ kiên-chùy, liền thành đại khí. Sương trong trăng tỏa. Chứng viên thông môn tam-muội. Mây nhạt trời thấp, phá mộng khốn khổ hôn mê, thọ đồng không hữu, giữ mãi hóa thành, một chùy trước nhất, làm sao nói hội một tiếng chuông đổ, kiếp đá có vàng mặt trời, lúc hồng âm vô tận, Chuông đổ ở Hóa Thành, một ngày tháng 10 mùa đông năm Mậu Thìn, niên hiệu Hàm Thuần. Trụ ở Hư Đường Kính Sơn (Trí Ngu Viết).

Đáp Thơ Trưởng lão Bồng Lai Tuyên.

Trí ngu khởi lại Thiên sư Lai Đường Đầu Vô Thị. Ngày 1 tháng 2 kẻ hèn đến thân nhưng thư tặng. Lại xét rõ duyên pháp trụ trì. Tăng hơn là ủy. Những lời nói tâm tưng, lòng người lại nhọc. Đương thể cổ phong, Địa Tạng nói. Các vị nói thiên bao la, đâu bằng ta cày ruộng đổi cơm. Lời nói bình thường, phần lớn có ruộng đất. Phong Huyệt thấy phá thất mấy gian. Người Không anh em bảy năm. Quy Sơn ăn hạt dẻ chín năm, đây đều là sự nghiệp Triết nhân. Soi sáng đời sau như thế, chỉ sợ không có tâm xa xôi. Nay thì lợi đạo giao hành, không thể dương mắt. Hướng bồng Lai Hải Thượng danh sơn, nơi tiền bối hành đạo, tự làm thói bước trung hậu thành thật, lấy tông lâm làm niệm, tự nhiên duyên thẳng Bát-nhã khởi, đâu lo người không tuyên lao nhọc, khuyên là thỉnh thừa

ân nhỏ noi. Hai tháng không nghĩ tốt, vận qua lại như thế, linh ẩn đã thoát, chọn bạn tương đồng mà thôi. Lão Quang sợ đầu tháng ba vào viện, dời đơn về chỗ tháp thờ Tùng Nguyên. Ngõ hầu nhân căn thanh tịnh, lại được bạn bè huynh đệ giảng hộ giúp đỡ. Uống trà nói đủ lời. Gửi đến đều xướng đã mỗi mỗi điểm tường, trao đến sư gửi đi, duyên mới tin lang mẫu. Tháp trụ mấy thời. Phàm sư này đặt từ dễ lời. Căn thận chùy nhọn xưa nay. Rõ hết đại ý, chỗ phóng dao khá nghiêm, chẳng giống các vị rửa đất trong bùn xuân, tuyên khéo nên điệu nhiếp, đến chúc bất tận. Ngày 28 tháng 2, Trí Ngu sửa lại.

Dạy Quyên Tịnh Thị Thu.

Việc của người xuất gia là thanh tịnh siêng năng sách tấn ba nghiệp, không làm kẻ trần tục ô nhiễm. Lão phu chợt đến, cúi đầu cẩn thận giáo dục, để cho soi sáng điều răn trước đây. Tâm mình rộng rang sạch trong, học nghiệp khắp thân. Để rõ bốn chí của người xuất gia. Nếu Không như vậy xin mở ra đây.

Bài tụng già từ thế gian:

Tám mươi lăm năm, Phật tổ không biết, thẳng lưng bèn đi.

Thái hư bật dấu.

Hành trạng

Sư húy là Trí Ngu, họ Trần, người Tượng Sơn thuộc Tứ Minh, lấy hiệu là Hư Đường, nhà gần ấp đến chùa Phổ Minh cách nhau một dặm đường, có núi. Tổ Ngài muốn bói xem chỗ mồ huyệt gọi là tương hợp.

Đất này cao thì che chở con cháu được giàu có hưng thịnh, thấp thì sẽ phát sinh dị Tăng. Tổ nói: nguyện được dùng chí phụ tông Phật ta. Và Tổ an táng chưa được mấy năm thì mẹ họ Trịnh nằm mộng thấy một vị lão Tăng ốm gầy, đi đến xin cơm. Nhân đó có thai và sinh ra Ngài. Buổi chiều mới sanh lại một lần nữa bà mẹ nằm mộng như trước. Năm Ngài mười hai tuổi cha mẹ dẫn sư về lệ phần mộ Tổ. Nói việc này, Sư như có điều nhớ lại. Đến năm mười sáu tuổi không có ý nghĩ trải qua việc đời. Cha mẹ thấy có dị tướng, lười thẳng, mũi ngay, bèn cho xuất gia với các Sư Tăng chùa Phổ Minh. Một hôm, sư nghe tụng thơ Đỗ Công Bộ Thiên giang. Thời dài mặc hiển hối, Thu đến liền rõ ràng. Dù bị mây nhỏ che. Có thể suốt đêm trong, bỗng có cảnh phát, bỏ thân rời quê nhà, nương với Hòa thượng Tuyết Đậu Hoán, Hòa thượng Tịnh Từ Trung Kiểu, ngoài công việc, chỉ ngồi thiền. Hai lão võ về yêu mến. Phải trái thường bỏ qua. Nói qua Kim Sơn, Hòa thượng đóng thất, vừa thấy rất có tài năng khí phách nói chuyện đến chiều không mệt.

Lúc này, sư Tổ Vận Am tạ sự chân đến Thiên Ninh, giải ngữ thoại

sau. Thấy Ngài có thái độ phi phạm, chưa mấy lần đến đạo tràng, dẫn sư qua Tráp Thượng xuất gia làm thị giả lo những chuyện lật vật; Hề vào thất, thường nêu nhân duyên buồn xưa chưa treo, không cho hạ ngữ. Suy nghĩ điều đó, lời buồn xưa chưa treo, có gì khó hội. Thật ra chỉ là một chút sự trước khi chưa phát, đâu được không dạy người hạ ngữ. Xây dựng phương tượng, thông kiến giải, tiếng chưa bắt, Am nói: Sao không lấy miệng cho. Thâm kín thể hội lấy trong đất lặng. Sư về liêu bất giác buồn phiền, bỗng nhiên hội được lời buồn xưa chưa treo, lời Hành giả thanh tịnh không nhập vào Niết-bàn. Hôm sau vào thất, lại hỏi Nam Tuyên chém mèo là thế nào?

Sư nói: Mặt đất chỡ Không nổi

Am cúi đầu cười nhẹ.

Từ đây trải qua các cửa của Đại lão cùng với Thạch Phạm, Diễn Thúc kết minh đạo chơi sông nước đến lễ Tháp Tổ, Tọa hạ Hình Môn Ngọc Tuyên. Nhân suy nghĩ viên ngô Tế ở tháp tho Sơ Sơn, nhân duyên phát minh, siêng lo tham cứu. Nhân đến Lô Sơn, tuyết lớn trắng đầy. Ở Đông lâm sáng qua đường, đêm ngồi trong trạng thái vô tâm, hội được thời tiết đại lãnh, Cổ Phật phát ra ánh sáng, tử đây ngưng trệ tan vỡ.

Lúc này, Không có Hòa thượng Nhị Nguyệt Chủ Phúc Nghiêm, bèn đến Long Tượng. Sư đến nương, được coi sóc điển tạng, có Thủ tọa Tu cùng tham thạc học. Sư về Nam Nhạc, bóng Không sa núi. Chưa từng dễ dàng chịu có thể các vị khắp nơi. Sư cùng bàn chuyện xưa nay lại che lấp lời hẹn lớn, thật cùng khế hợp. Có Hòa thượng Bắc Thiên Lễ cơ biện sâu xa, nạp tử ít, được bước lên cửa. Một hôm, sư hỏi, lớn tiếng nói: “Mới đến cùng xem khán”.

Lễ nói: Trưởng lão Không ở.

Sư nói: Đã được tin tức tốt của chân nhân.

Lễ ra gọi hành giả nói: vị Tăng mới đến ở đâu?

Sư chỉ cột trụ nói: Hòa thượng hỏi sao ông không đáp?

Lễ nói: Từ đâu đến.

Sư nói: Phúc Nghiêm

Lễ nói: Hành lý ở đâu?

Sư nói: Ở Đán qua đường.

Lễ nói: Ta Không hỏi hành lý của ông.

Sư thưa: Vậy là hành lý nào? Môn hạ Bắc Thiên lấy không được, nghiêng đảo Không chịu bỏ. Do đó, về Chiết Giang đến Tịnh Từ, thấy Hòa thượng Tịnh Từ, Tịnh hỏi: Ông còn biết chỗ cha mẹ sanh toàn thân lò hồng đỏ rực ở trong rừng gai chằng?

Sư nói: Vật tốt Không vội vã.

Tịnh bèn theo sau đánh cho một chỗ.

Sư xòe hai tay nói: Hãy chậm chậm.

Lúc cưỡi Hòa thượng ông ở Linh Ẩn, lấy chức cũ Hồ Khư, sai sư ân sự cử trụ khang đến Quảng giác, Sư hết sức từ chối. Trung hiến Sử vệ vương bình, đều trực, Gia Hòa Thiên Ninh biệt Phố nghe danh sư, ra đời Hưng Thánh. Thiêu Định năm thứ hai lại dời đến Báo Ân, Khai Phủ tồn Canh Triệu Công, để tỏ rõ hiển hiệu, hết lòng thỉnh khai sơn. Lại dời đến Thụy nghiêm, hai năm xin lui, đóng cửa mở ba. Cuối cùng thành tụng cổ đại biệt. Diên phước Hư Tịch Thị Lang Hoàng Cong, cố thỉnh chủ đến, kế dời đến Bảo Lâm. Năm thứ năm nạn giặc cường bạo, trở về dưới tháp Tùng Nguyên, Hòa thượng Đông Cốc chủ lệnh tuyền, muốn nêu lập Tăng, sợ không thành tựu.

Nạp tử hai, ba lần lễ thỉnh. Sư từ đó khai thất giảng chung cho đại chúng, hạ ba chuyển ngữ, Không có gom về, năm Mậu Ngọ niên hiệu Bảo Hựu, Dục Vương Hư Tịch thiền nạp đề nghị bày xin. Có Từ Tiết Trai Thượng Chư Trần Công, các vị vui vẻ bàn luận, đặc biệt cùng phô tấu.

Tháng tư năm nay lãnh việc chùa, ba năm ngô chế Tướng tin sàm, ôm ấp lời oán, làm Nhục sư muốn cho tổn đức, sư vui vẻ tự như, từ đầu đến cuối kháng cự, đều không biến sắc. Thánh chỉ tuyên bày phóng thích, làm kệ dâng tạ nói:

Thời qua hiển bày trừ nóng bức, ngày về tiếng thu đầy chiều tà, ân sâu lớp lớp lấy gì báo, nhìn chỗ không mây chúc trời cao. Xưa Ngu Dư Thượng Thư Điển Hương Quận, đặc biệt lấy Kim Văn (Văn Tự khắc trên Chuông) kéo dài ra, ép ngắt ở cảnh chiều. Trở về nhà dưới Tháp Minh Giác. Nạp tử sống trọn đời ở đó, năm Giáp Tý niên hiệu Cảnh Định có chiếu chỉ, mời trụ chùa Tịnh Từ, Nạp tử đến nhóm họp. Nhà đơn Không dễ dàng, nửa ở ngoài nhà vua nghe triệt nhà, ban cho trăm xấp lụa làm màn, năm trăm thạch gạo, mười quan tiền. Mùa Thu năm ấy lại ban cho hơn ngàn mẫu ruộng. Ngày nay là Tích Trang. Tháng 10, Đế

Minh với sư vào cung, đối linh phổ thuyết. Hai cung ban cho ân trạch nhiều. Mùa Thu năm Đinh Mão dời về Kính Sơn. Tháng 10 mùa Đông, triều đình xuống hương sai sứ Thọ Tuyết hỏi hoài vọng của sư, Sư nói:

Đêm nay quả đến lúc Không sáng khoái. Sư về tâu vua ban cho hai mươi điệp lụa bằng khoản bạc, một Tăng đường, một dục đường (nhà tắm) hành đường mới. Trong công tác nhỏ, còn khuyên chúng không biếng nhác, ân hai triều được sung ái. Sẽ ban cho lụa, xây am

nhỏ ở phía Đông đình Vọng Vân. Lại nói trời sông, thì xây tháp làm nơi về ở ẩn. Sư một đời tánh không thông phương. Ít hợp với người cùng thời. Việc đến không khoan thai, lời thốt ra thì rõ ràng không dứt quãng. Bởi vậy người học sợ mà kính Ngài. Năm thứ 20 Sư thường nêu hai chỗ Không đáp của Linh Vân hỏi nạp tử. Ít có người khớp ý sư. Ngày 5 tháng 10 năm Kỷ Tỵ, là Kỷ tổ, niêm hương xong. Sư bỗng bị bệnh nhẹ, qua ngày thứ hai viết kệ, tắm gội sạch sẽ. Ngồi thẳng mà tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, năm mươi ba hạ lạp, đệ tử nối pháp mười mấy vị, ngũ lục hai quyển, được lưu hành ở đời. Môn nhân phụng toàn thân nhập tháp. Ngày 11 tháng 10 niên hiệu Hàm Thuần thứ 10 Tân Đạp sai Trụ Trì phủ Khánh Nguyên Thiên Tự Thanh Lương nối pháp Tiểu Sư.

Tổ ông ở đời, ngũ lục hai quyển, in ấn lưu hành khắp nơi. Niên hiệu Hàm Thuần năm thứ hai Đời Tống đến tiếp tục ghi hậu tập đã thành ba quyển, những bản Triều chưa in ấn lưu hành. Tiên sư thường nói mà việc chưa thành là vì người sau này không có chí mạnh mẽ. Nhưng vẫn có sai sót, bèn thêm mấy tờ ở cuối hậu lục, khắc ở Long Tường. Ngày khai lò, năm Quý Sửu niên hiệu Chánh Hòa. Con cháu vụng về Kính ghi.